

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DS-PT
Ngày: 22-02-2022
V/v “Đòi tài sản (tiền)”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn

Các Thẩm phán:

1. Ông Khuru Đẻ Dành.
2. Ông Lê Thanh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Trường San – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 192/2021/TLPT-DS, ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp đòi tài sản (tiền)”

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 112/2021/DS-ST ngày 23/6/2021 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 41/2021/QĐ-SCBSBA ngày 02/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2021/QĐPT-DS, ngày 14 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐ-PT ngày 14/01/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Quang C, sinh năm 1971;

Địa chỉ thường trú: khu dân cư Bắc Hà Hoàng Hồ, khóm Tây Khánh 2, phường Mỹ Hòa, thành phố L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Thương mại dịch vụ In – Quảng cáo P

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Cẩm Th, sinh năm 1967 – Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: phường L, thành phố L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: phường X, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Người làm chứng:* Anh Huỳnh Phước Đ, sinh năm 1991, cư trú: phường K, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Phan Cẩm Th là người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Thương mại dịch vụ In – Quảng cáo P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/8/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị Quang C do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Thái Thị Diễm T trình bày:

Bà và ông Phan Cẩm Th chung sống với nhau như vợ chồng. Trước và sau khi cưới (không đăng ký kết hôn), ông Th nhiều lần mượn tiền của bà để phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH TMDV In – Quảng cáo P (gọi tắt Công ty P), bà và ông Th cưới nhau vào tháng 7/2014. Đến cuối năm 2016 thì bà và ông Th phát sinh mâu thuẫn nên bà khởi kiện ly hôn và đòi tài sản đối với ông Th. Vụ án đã được cấp sơ thẩm, phúc thẩm xét xử (Theo Bản án phúc thẩm số 17/2020/HNGĐ-PT ngày 30/7/2020). Trong quá trình xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thu thập tài liệu chứng cứ xác định Công ty P còn nợ tiền của bà tổng cộng 68.900.000 đồng và nhận định dành quyền khởi kiện cho bà đối với Công ty P.

Công ty P mượn tiền của bà các khoản sau: Ngày 15/01/2014, mượn bà C số tiền 43.500.000 đồng, nhờ bà trả tiền thuê nhà quý 1/2014 cho Công ty P, bà đã nộp tiền cho Thành ủy L, ký tên chỗ người nộp tiền, ghi tên C (kèm Phiếu thu ngày 15/01/2014 của Thành ủy L, BL 13); ngày 21/4/2014, mượn bà số tiền 23.900.000 đồng, nhờ bà chuyển vào tài khoản số 621704060058004 của Công ty P qua Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam; ngày 14/5/2014, mượn bà số tiền 1.500.000 đồng, nhờ bà chuyển vào tài khoản số 6211704060058004 của Công ty P qua Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (Kèm sao kê của Ngân hàng, BL 14 đến BL 18). Nay bà yêu cầu Công ty TNHH Thương mại dịch vụ In – Quảng cáo P trả cho bà Bùi Thị Quang C số tiền 68.900.000 đồng (sáu mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Công ty TNHH Thương mại dịch vụ In - Quảng cáo P, người đại diện theo pháp luật là ông Phan Cẩm Th: Ông Phan Cẩm Th, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án thực hiện tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm cho ông Th, nhưng ông Th vẫn vắng không có lý do.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 112/2021/DS-ST ngày 23/6/2021 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 41/2021/QĐ-SCBSBA ngày 02/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L quyết định:

- Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Quang C.

Buộc Công ty TNHH Thương mại dịch vụ In – Quảng cáo P trả cho bà Bùi Thị Quang C số tiền 68.900.000 đồng (sáu mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả lại cho bà Bùi Thị Quang C tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.722.500 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0007663 ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Bị đơn Công ty TNHH Thương mại dịch vụ In – Quảng cáo P phải chịu 3.445.000 đồng (ba triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. *Tại phiên tòa:* bị đơn Công ty TNHH Thương mại dịch vụ In – Quảng cáo P vắng mặt trong quá trình tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến; nguyên đơn bà Bùi Thị Quang C vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

Ngày 02/7/2021, bị đơn ông Phan Cẩm Th đại diện Công ty TNHH Thương mại dịch vụ In – Quảng cáo P (gọi tắt Công ty P) có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm bác yêu cầu bà C đòi ông 68.900.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Th đại diện theo pháp luật Công ty P phát biểu tranh luận, cho rằng bà C có thanh toán tiền thuê mặt bằng, chuyển tiền vào tài khoản Công ty P tổng số tiền là 68.900.000 đồng như bà C khai là có thật, nhưng số tiền này do ông đưa cho bà C thực hiện thay cho công ty, không phải tiền của bà C cho Công ty P của ông mượn, nên yêu cầu Tòa phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà C đòi Công ty P trả 68.900.000 đồng. Bà C phát biểu tranh luận xác định lời nại của ông Th không đúng vì bà không nhận tiền gì từ ông Th, thực tế ông Th mượn của bà rất nhiều tiền, bà có đủ chứng cứ do bà chuyển tiền cho Công ty ông Th mượn. Bà yêu cầu Công ty P do ông Th đại diện theo pháp luật trả 68.900.000 đồng cho bà, chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện là phiếu thu do bà C nộp tiền 43.500.000 đồng ngày 15/01/2020 cho Công ty P (BL13); bản kê chi tiết tài khoản khách hàng bà C chuyển tài vào tài khoản Công ty P của ông Th 2 lần tổng cộng 25.400.000 đồng (BL17), nên yêu cầu Tòa phúc thẩm bác kháng cáo của ông Th.

Người làm chứng, anh Đ khai, anh là nhân viên Công ty P (anh Th - Giám đốc công ty là lãnh đạo anh), theo đó anh khai chỉ thấy ông Th đưa 03 cọc tiền cho bà C, không rõ giấy bạc gì, số tiền bao nhiêu và cũng không biết việc làm chứng này có giá trị không vì giai đoạn sơ thẩm anh không tham gia, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ

đúng theo các quy định tại Điều 70, 71, 72, 86, 234 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Thực tế bà C có thanh toán tiền thuê mặt bằng, chuyển tiền vào tài khoản Công ty P của ông Th tổng cộng 68.900.000 đồng như bà C khai, ông Th khai đưa tiền cho bà C thực hiện thay cho Công ty ông, không phải tiền bà C, lời nài này của ông Th không được bà C xác nhận, ông Th không có chứng cứ chứng minh, bà C chứng minh rõ (phiếu thu do bà C nộp tiền 43.500.000 đồng ngày 15/01/2020 cho Công ty P của ông Th BL13; bản kê chi tiết tài khoản khách hàng bà C chuyển tài vào tài khoản Công ty P của ông Th 2 lần 25.400.000 đồng BL17) án sơ thẩm xử buộc Công ty P trả cho bà C 68.900.000 đồng là có căn cứ, ông Th kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới, nên đề nghị Tòa phúc thẩm bác kháng cáo của ông Th, y án sơ thẩm và buộc ông Th chịu án phí phúc thẩm theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Thương mại dịch vụ In - Quảng cáo P do ông Th đại diện theo pháp luật kháng cáo trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Thương mại dịch vụ In-Quảng cáo P do ông Th đại diện theo pháp luật, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1.2] Tại đơn kháng cáo ngày 02/7/2021 ông Th yêu cầu Tòa phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà C thì thấy: Bà C với ông Th người đại diện theo pháp luật cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ In – Quảng cáo P (gọi tắt Công ty P) có giao dịch mượn tiền của nhau trước, trong thời kỳ hôn nhân (các đương sự đã ly hôn năm 2016) là có trong thực tế, nên sau khi giải quyết trong án ly hôn bà C yêu cầu ông Thịnh trả tiền, vàng cho bà cụ thể (tại bản án phúc thẩm số 17/2020/DS-PT của Tòa án tỉnh An Giang đã xử buộc ông Th trả cho bà C 374.877.000 đồng và nhận định dành quyền khởi kiện cho bà C kiện (pháp nhân) yêu cầu Công ty TNHH Thương mại dịch vụ In – Quảng cáo P do ông Th là người đại diện theo pháp luật trả cho bà 68.900.000 đồng) khi có yêu cầu (BL 03 đến BL 09, trang 11, BL 04 của bản án phúc thẩm). Nay bà C khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Thương mại dịch vụ In – Quảng cáo P trả cho bà số tiền 68.900.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, bà C chứng minh Phiếu thu ngày 15/01/2014 của Thành ủy L thể hiện bà C là người nộp trả tiền thuê nhà quý I/2014 là 43.500.000 đồng cho Công ty P (BL13); Sao kê của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo tài khoản số 621704060058004 của Công ty P từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014 thể hiện bà C có nộp vào tài khoản của Công ty P số tiền 23.900.000 đồng ngày 21/4/2014 và 1.500.000 đồng ngày 14/5/2014 (BL17) là có trong thực tế và có căn cứ, giai đoạn xét xử sơ thẩm ông Th không hợp tác, không tham gia tố tụng tại Tòa án (từ khi thụ lý đến khi xét xử sơ thẩm), Tòa sơ thẩm căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án xử buộc

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ In – Quảng cáo P trả cho bà C 68.900.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm và tại Tòa phúc thẩm ông Th đại diện Công ty P cung cấp đơn xác nhận người làm chứng là ông Huỳnh Phước Đạt, đơn đề ngày 10/6/2021 (Tòa án tỉnh An Giang nhận đơn này ngày 24/01/2022), theo đó ông Đ khai thấy ông Th đưa 03 cọc tiền cho bà C, không rõ giấy bạc gì, số tiền bao nhiêu và cũng không biết việc làm chứng này có giá trị không, nên lời khai của ông Đ không có giá trị chứng minh bởi lẽ ông Đ là nhân viên và là cấp dưới ông Th, chứng cứ này được ký xác nhận trước ngày xét xử sơ thẩm sau ông Th không cung cấp cho Tòa sơ thẩm, hơn nữa ông Đ chỉ nhìn thấy ông Th cầm 03 cọc tiền đưa cho bà C thì ông Đ không thể biết rõ từng đợt tiền ông Th giao cho bà C để làm gì, ông Đ cũng không xác định rõ ngày đưa tiền, từ đây cho thấy nội dung xác nhận làm chứng của ông Đ cho ông Th không khách quan, ông Th đại diện theo pháp luật Công ty P cho rằng bà C có thanh toán tiền thuê mặt bằng, chuyển tiền vào tài khoản Công ty P tổng số tiền là 68.900.000 đồng như bà C khai là có thật, nhưng số tiền này do ông đưa cho bà C thực hiện công việc thay cho công ty, không phải tiền của bà C cho Công ty P mượn, bà C xác định ông Th khai không thật vì bà không nhận tiền gì từ ông Th, ông Th (đại diện Công ty P) không có chứng cứ trực tiếp chứng minh bà C nhận tiền của ông, ông Th cũng không lý giải được tại sao tiền bà C nhận của ông lại do chính bà C đứng tên chuyển ngược vào tài khoản Công ty P của ông để rồi ông chuyển số tiền này thanh toán cho đối tác và thanh toán lãi cho Ngân hàng. Nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Th (đại diện Công ty P), cần giữ nguyên án sơ thẩm, buộc ông Th (đại diện Công ty P) chịu án phí phúc thẩm như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Ông Th (đại diện Công ty P) kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Phúc xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Cẩm Th, chức vụ Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ In Quảng cáo P.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 112/2021/DS-ST ngày 23/6/2021 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 41/2021/QĐ-SCBSBA ngày 02/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L quyết định:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017

của Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Quang C.

Buộc Công ty TNHH Thương mại dịch vụ In – Quảng cáo P trả cho bà Bùi Thị Quang C số tiền 68.900.000 đồng (sáu mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả lại cho bà Bùi Thị Quang C tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.722.500 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0007663 ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Bị đơn Công ty TNHH Thương mại dịch vụ In – Quảng cáo P phải chịu 3.445.000 đồng (ba triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Cẩm Th, chức vụ Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ In – Quảng cáo P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000575 ngày 15/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND Tp. L;
- Chi cục THADS Tp. L;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu: Tòa, Văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tuấn